CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings

Ngày 31/12/2024	5,660 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.9%	**3.9%**	**-7.0%**

DT thuần
Q4/24
554
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 173| 45.5%
YoY: ▼74.0| -11.7%

LN thuần
Q4/24
12.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.73| 392%
YoY: ▲ 6.10| 99.2%

LN sau thuế
Q4/24
1.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.06| -50.6%
YoY: ▼1.43| -58.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
3.7%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE
2024
0.9%
YoY: +/-▼ 0.4%

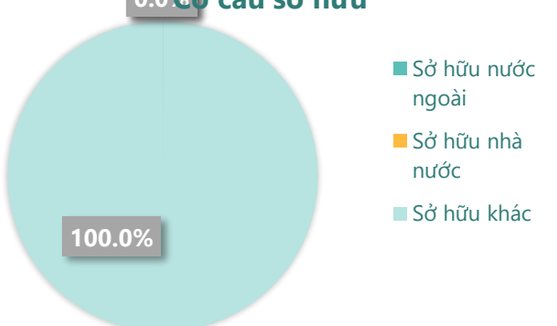
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,187 - 6,821
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	287
Số lượng CPLH (CP)	50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	96,730
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.71
EPS	118
P/E	48.0

DT thuần
2024
1,563
tỷ VNĐ
YoY: ▼248| -13.7%

LN thuần
2024
17.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.10| 41.4%

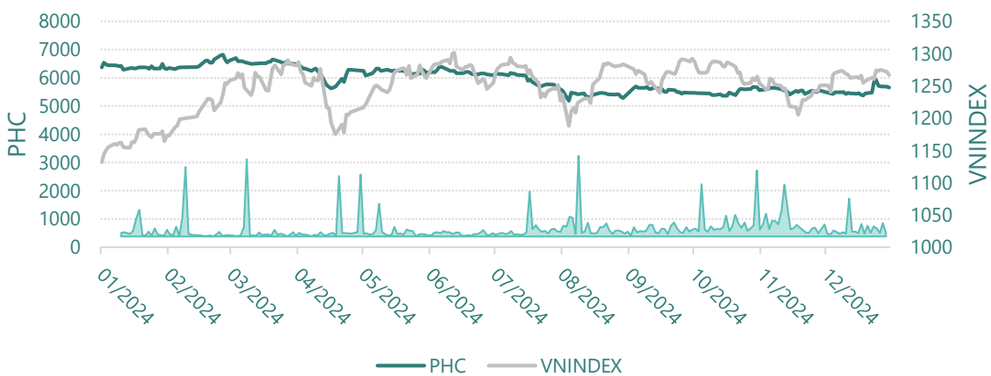
LN sau thuế
2024
4.83
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.58| -42.6%

Cơ cấu sở hữu

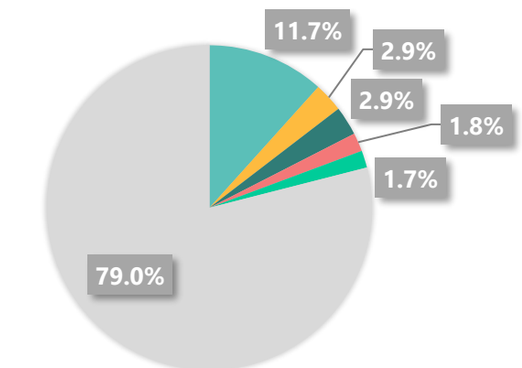


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

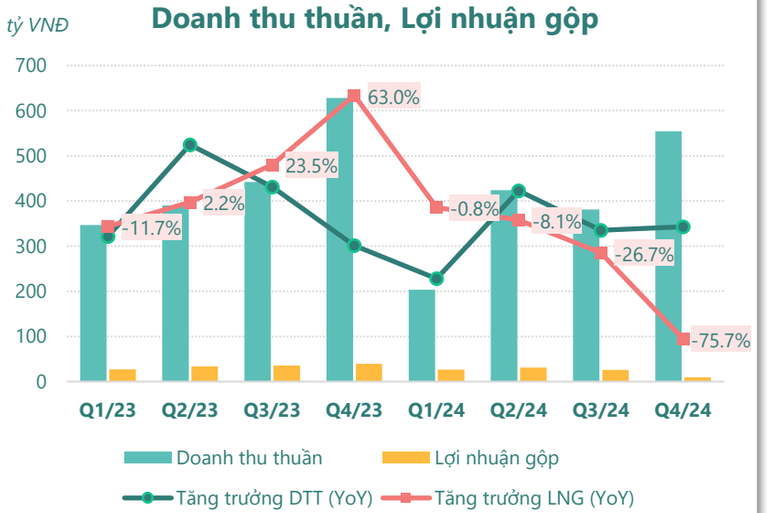


- Cao Tùng Lâm (Chủ tịch HĐQT)
- Bùi Thị Vân Anh
- Nguyễn Công Khanh (Thành viên HĐQT)
- Trần Huy Tưởng (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Đức Thắng (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

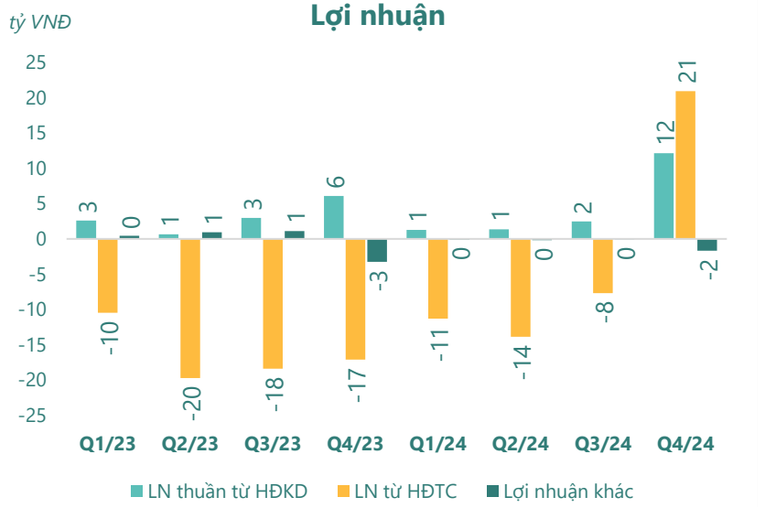
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



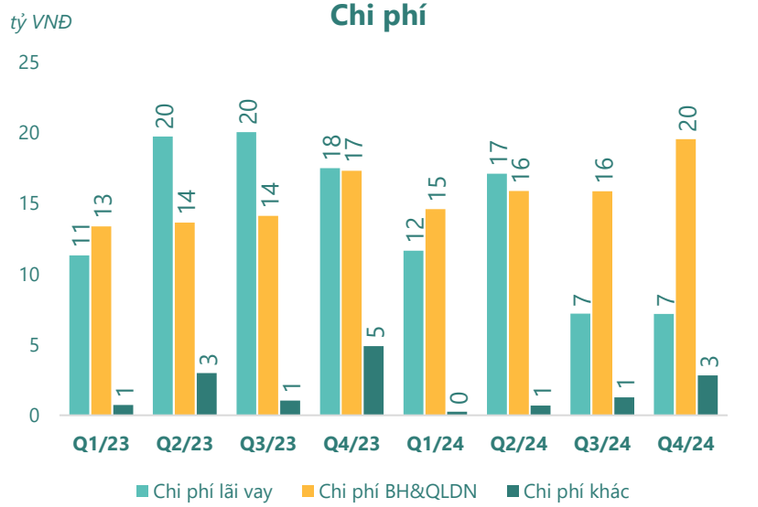
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



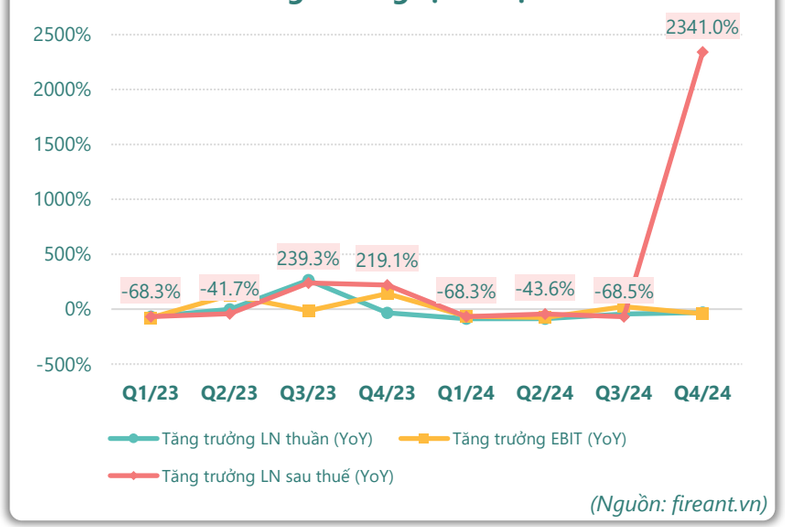
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



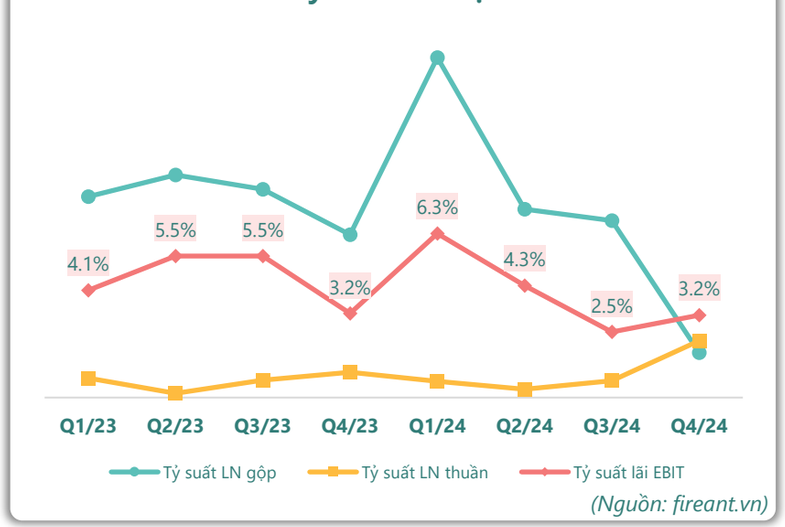
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



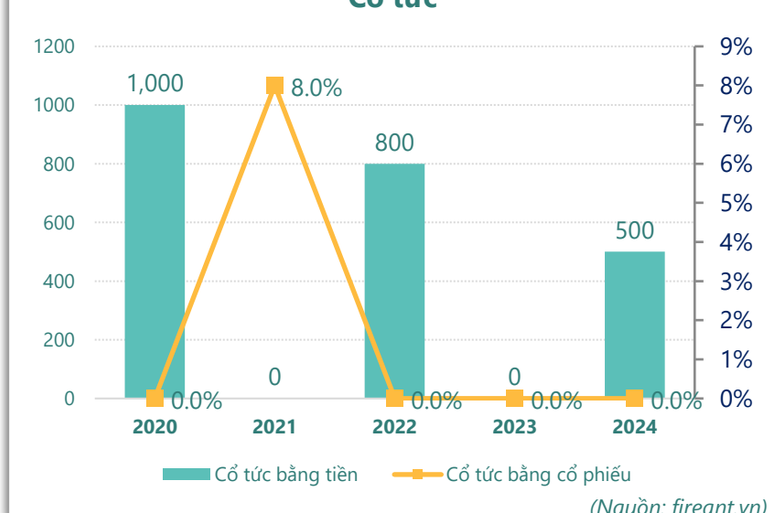
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

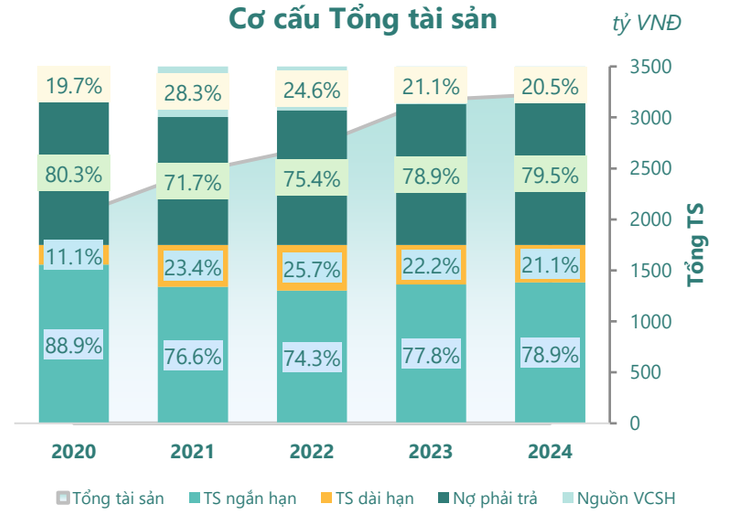
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

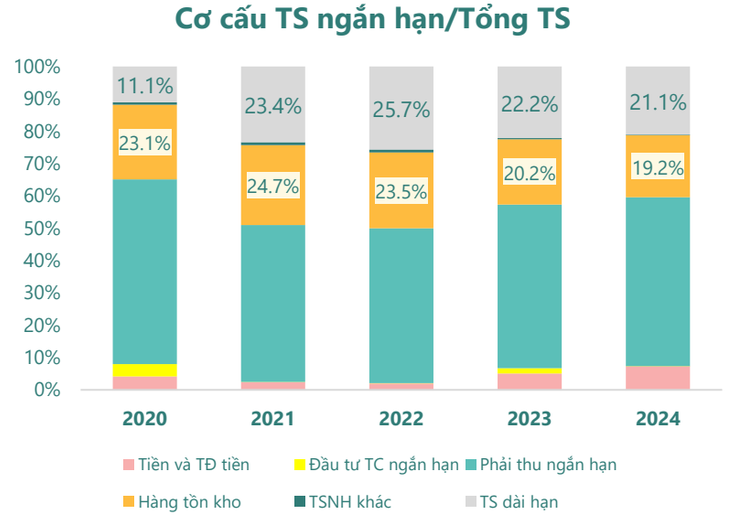
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



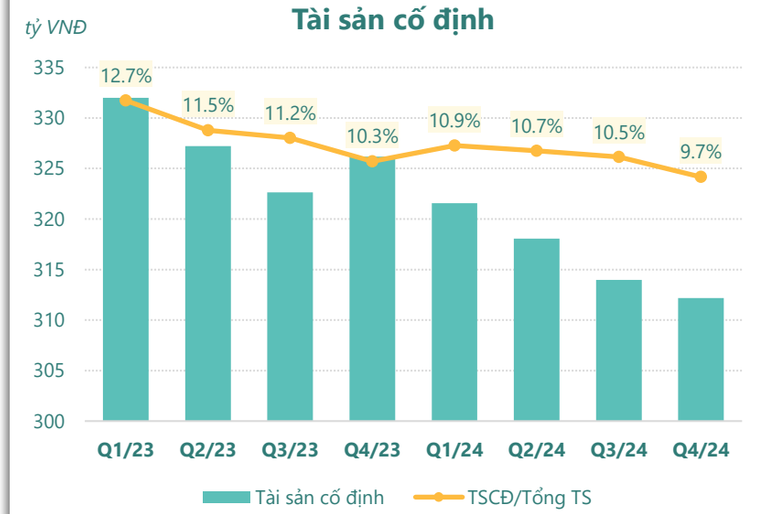
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



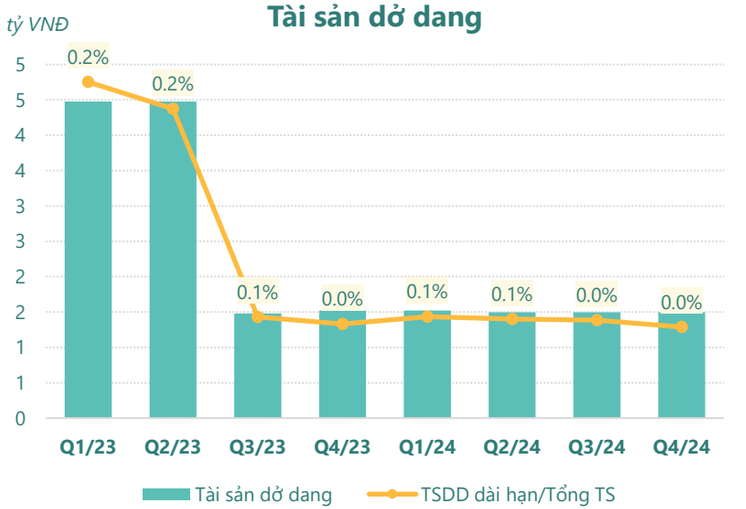
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



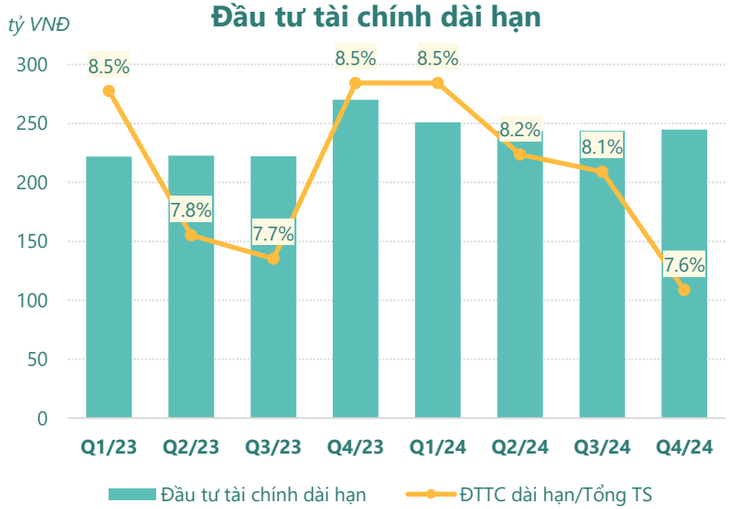
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



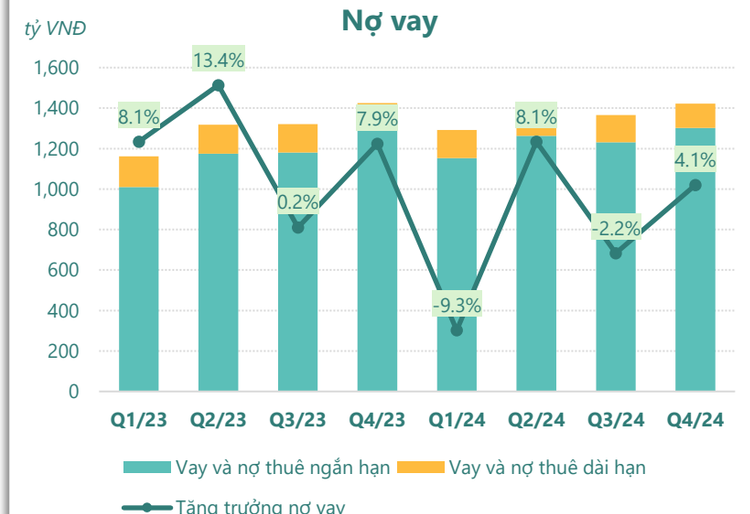
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

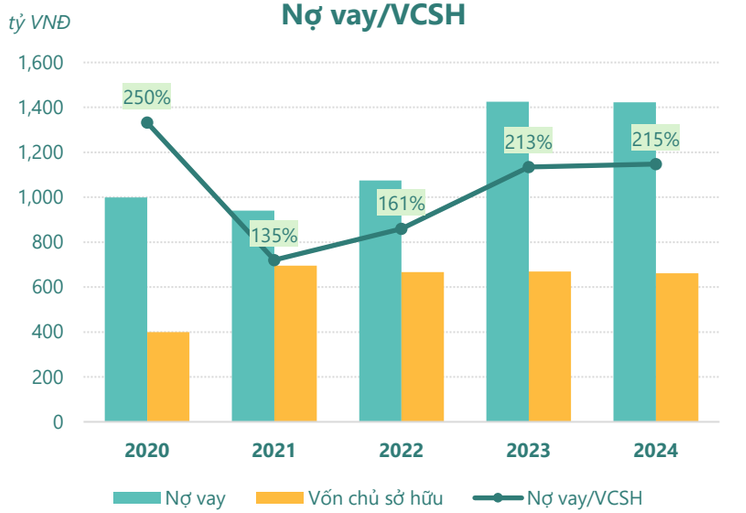
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



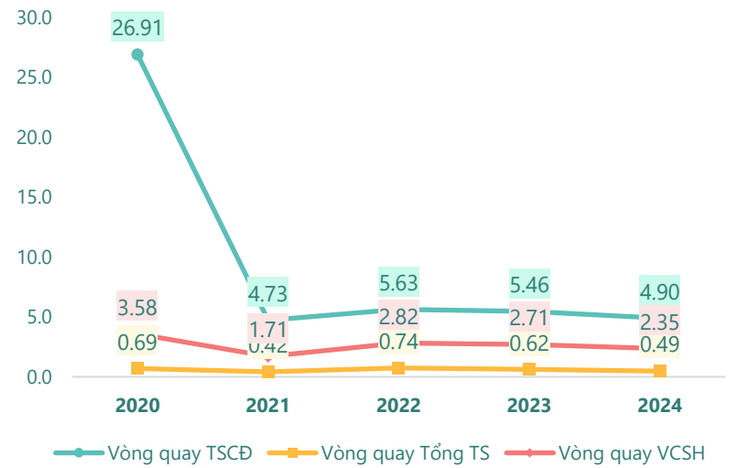
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



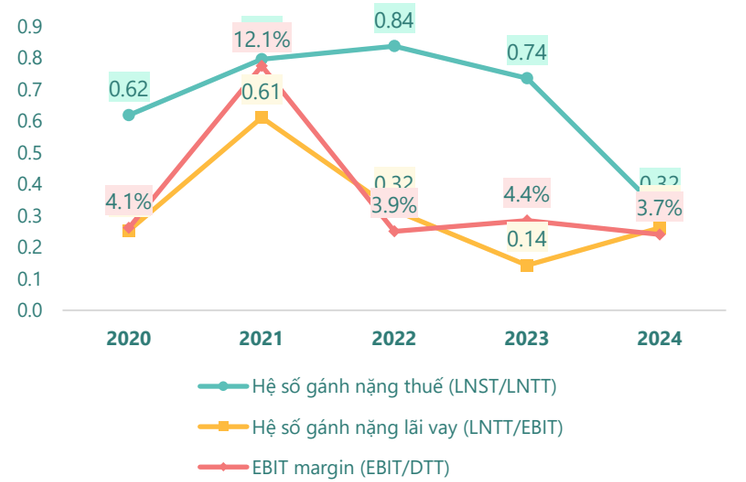
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



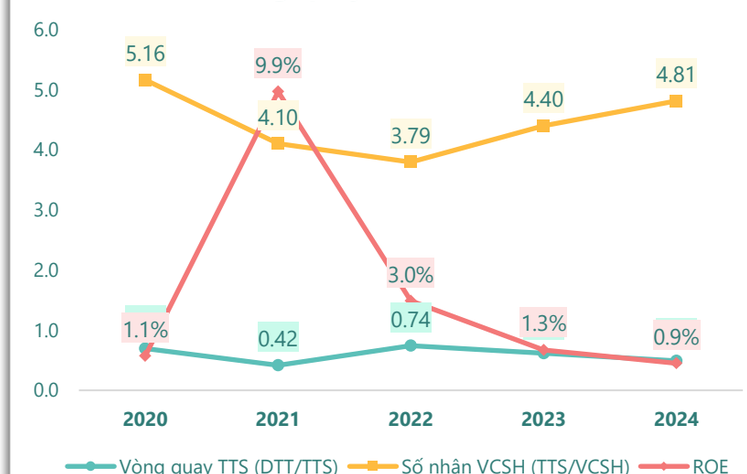
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



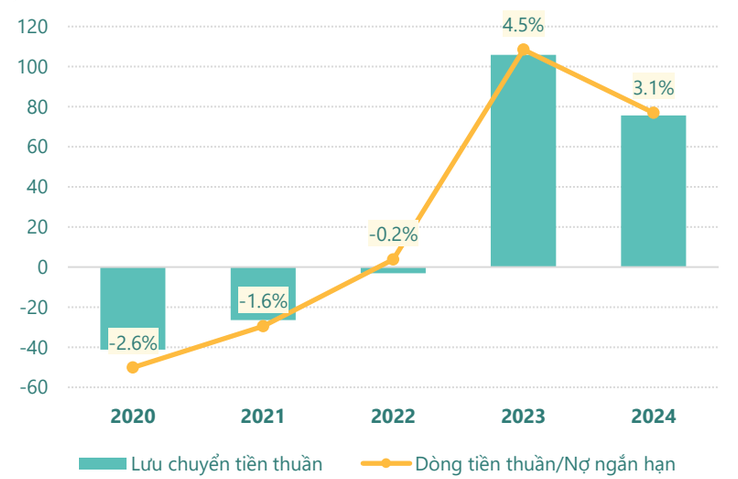
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**554**	**628**	**-11.7%**	**1,563**	**1,811**	**-13.7%**
Giá vốn hàng bán	545	589	-7.5%	1,470	1,677	-12.3%
Lợi nhuận gộp	9.60	39.5	-75.7%	93.1	134	-30.4%
Doanh thu HĐTC	29.1	0.86	3288%	33.8	6.21	445%
Chi phí TC	8.19	18.0	-54.5%	45.8	70.3	-34.9%
Chi phí lãi vay	7.17	17.5	-59.0%	43.2	68.7	-37.2%
LN trong công ty LKLD	**1.17**	**1.05**	**11.7%**	**2.05**	**1.07**	**92.2%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí QLDN	**19.6**	**17.3**	**13.2%**	**66.0**	**58.6**	**12.6%**
LN thuần từ HĐKD	12.2	6.10	99.2%	17.3	12.2	41.4%
Lợi nhuận khác	**-1.69**	**-3.24**	**48.0%**	**-1.99**	**-0.78**	**-157%**
LN trước thuế	10.5	2.86	266%	15.3	11.4	33.6%
Lợi nhuận sau thuế	**1.04**	**2.47**	**-58.0%**	**4.83**	**8.41**	**-42.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.06**	**2.30**	**-54.1%**	**5.98**	**8.97**	**-33.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.3	137	-63.1	-77.1	-25.2	159
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.44	-103	70.2	0.32	2.62	0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.76	107	-133	114	-30.0	58.0
Tiền đầu kỳ	26.9	19.9	161	34.7	71.5	18.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.00**	**141**	**-126**	**36.8**	**-52.6**	**217**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.9	161	34.7	71.5	18.9	236

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,231**	**3,172**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	2,550	2,468	3.3%
Tiền và tương đương tiền	236	161	47.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	51.9	-96.2%
Phải thu ngắn hạn	1,687	1,606	5.1%
Hàng tồn kho	620	641	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.04	9.53	-47.1%
Tài sản dài hạn	**681**	**704**	**-3.3%**
Phải thu dài hạn	0.85	0.56	52.3%
Tài sản cố định	312	326	-4.3%
Bất động sản đầu tư	67.0	69.2	-3.1%
Tài sản dở dang	1.50	1.52	-1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	245	270	-9.5%
Tài sản dài hạn khác	**49.4**	**35.9**	**37.9%**
Lợi thế thương mại	4.76	0	
Nợ phải trả	2,569	2,503	2.7%
Nợ ngắn hạn	**2,449**	**2,361**	**3.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,303	1,283	1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	750	722	3.9%
Nợ dài hạn	120	142	-15.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	142	-15.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**661**	**670**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**661**	**670**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	507	507	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)